TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2021/DS-PT
Ngày 19 - 3 - 2021
"V/v Tranh chấp lối đi chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Thành.

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Thái;

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Đình Hiệp, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc:*** Ông Phùng Ngọc Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2020/TLPT- DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 về "Tranh chấp lối đi chung".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 68/2020/QĐ – PT ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn P, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn 10 Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Đỗ T, sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn 10 Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông T: Anh Đỗ Ngọc T1, sinh năm 1965 (theo giấy ủy quyền ngày 15/7/2020).

Địa chỉ: Thôn 10 Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; (có mặt).

3. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 (vợ ông Phú);

3.2. Anh Đỗ Văn D1, sinh năm 1990 (con trai ông Phú);

3.3. Anh Đỗ Tiến T, sinh năm 1993 (con trai ông Phú);

Cùng địa chỉ: Thôn 10 Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D, anh D1, anh T: Ông Đỗ Văn P,

sinh năm 1959 (theo giấy ủy quyền ngày 24/11/2020); (có mặt).

3.4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1938 (vợ ông T);

3.5. Anh Đỗ Ngọc T1, sinh năm 1965 (con trai ông T);.

3.6. Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1967 (con dâu ông T);

Cùng địa chỉ: Thôn 10 Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện hợp pháp của bà H và chị Đlà: Anh Đỗ Ngọc T1, sinh năm 1965 (theo giấy ủy quyền ngày 15/7/2020); (có mặt).

4. Người kháng cáo: Ông Đỗ Văn P - Nguyên đơn.

NỘI D VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 01 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Văn P trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất gia đình ông đang sử dụng là của ông cha để lại, sử dụng ổn định lâu dài, quá trình sử dụng đất gia đình ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng theo địa chính xã Y cung cấp thì hồ sơ lưu tại UBND xã có 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên hộ Đỗ Văn P nhưng giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất này không hợp lệ nên không có giá trị pháp lý.

Giáp ranh với đất nhà ông là nhà ông Đỗ T, hai gia đình có một lối đi chung từ lâu đời do các cụ để lại, diện tích lối đi chung bao nhiêu mét đất ông không rõ, vào khoảng năm 1994 ông T có mua lại một phần diện tích đất của gia đình ông Tùy, diện tích mua bao nhiêu mét thì ông không biết nhưng vị trí đất là giáp với ngõ đi chung vào thửa đất nhà ông và thửa đất nhà ông T. Hai gia đình sử dụng ổn định. Năm 2014, gia đình ông T có xây hai trụ cổng, khi xây gia đình ông T đã xây một trụ cổng trên phần đất của lối đi chung (không nằm trên phần đất ông T mua thêm), trụ cổng này giáp với phần đất của gia đình ông, ông có biết và chỉ nhắc nhở anh T1 con trai ông T là chỉ được đổ cột bê tông chứ không được xây kiên cố. Đến tháng 8 năm 2019, gia đình ông cũng xây lại cột cổng và làm cánh cổng thì gia đình ông T ngăn cản không cho làm nên hai bên xảy ra mâu thuẫn và ông có nói với ông T nếu ông T để cho ông làm cổng thì gia đình ông cũng đồng ý việc gia đình ông T xây trụ cổng còn không thì ông cũng yêu cầu gia đình ông T dỡ bỏ nhưng gia đình ông T không nghe nên xảy ra tranh chấp. Ông đề nghị ông Đỗ T tháo dỡ 01 trụ cổng để trả lại diện tích đất lối đi chung, đề nghị xác định mốc giới giữa gia đình ông và gia đình ông Đỗ T.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, ông Đỗ Văn P xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Tòa án xác định mốc giới giữa gia đình ông và gia đình ông Đỗ T.

Nay ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ T tháo dỡ một trụ cổng giáp thửa đất nhà ông để trả lại phần lối đi chung cho hai gia đình.

Về kết quả các lần thẩm định đo đạc ông không có ý kiến thắc mắc gì.

Bị đơn là ông T; người đại diện theo ủy quyền của ông T, đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đỗ Ngọc T1 trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của ông Phú là gia đình nhà anh tiếp giáp với gia đình nhà ông Phú. Nguồn gốc diện tích đất của gia đình anh đang sử dụng là của cha ông để lại, gia đình anh sử dụng ổn định không có tranh chấp với các hộ liền kề. Năm 2001 gia đình anh được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đỗ Văn T, với diện tích là 337m^2. Gia đình nhà anh và gia đình ông Phú có một lối di chung từ đường làng vào cổng, lối đi chung này do các cụ của hai gia đình để lại từ thời xa xưa, do lối cổng hẹp nên năm 1994 gia đình nhà anh có mua thêm của gia đình ông Tùy, anh Khôi) khoảng 11m^2 đất, chiều dài 11m chiều rộng 1m, gia đình anh vẫn cho gia đình ông Phú đi chung. Khoảng năm 2014, gia đình anh có xây hai trụ cổng, khi xây gia đình ông Phú không có ý kiến gì.

Năm 2019, gia đình ông Phú có làm cánh cổng, khi làm ông Phú có bịt rãnh thoát nước của gia đình anh chảy ra lối đi chung nên hai gia đình xẩy ra tranh chấp.

Nay ông Phú khởi kiện cho rằng năm 2014, gia đình anh xây trụ cổng, đã xây trên phần đất của lối di chung nên yêu cầu gia đình anh phái tháo dỡ. Anh không nhất trí vì trụ cổng anh xây hoàn toàn nằm trên phần đất của gia đình anh.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình anh, khi làm thủ tục cấp có sự nhầm lẫn tên của bố anh là Đỗ T nhưng khi cấp giấy lại ghi là Đỗ Văn T, anh khẳng định Đỗ Văn T và Đỗ T là một người.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 165, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 203 luật đất đai; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P đối với ông Đỗ T về việc tháo dỡ trụ cổng để trả lại diện tích đất lối đi chung tại thôn 10 Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P về việc đề nghị xác định ranh giới đất giữa gia đình ông với gia đình ông Đỗ T.

Ngoài ra bản án còn tuyên án phí, chi phí thẩm định, định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2020 ông Đỗ Văn P là nguyên đơn kháng cáo với nội dung Bản án sơ thẩm bác đơn khởi kiện của ông là không có căn cứ. Ngày 09/11/2020 ông Phú trình bày cụ thể nội D kháng cáo: Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông, buộc ông Đỗ Văn T tháo dỡ 01 trụ cổng giáp phần đất nhà ông để trả lại lối đi chung cho hai gia đình. Xác định rõ phần quyền sở hữu của mỗi gia đình đối với lối đi chung và xác định mốc giới lối đi chung của hai gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm.

- Về việc giải quyết vụ án: Nội dung kháng cáo của ông P là không có cơ sở để chấp nhận vì toàn bộ diện tích đất mà bị đơn xây trụ cổng hoàn toàn nằm trong diện tích đất của hộ ông T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Đỗ Văn P trong thời hạn luật định, căn cứ vào Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét đơn theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 21/9/2020 ông Đỗ Văn P là nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm và tại biên bản làm việc ngày 09/11/2020 ông Phú xác định nội D kháng cáo là: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của ông, buộc ông Đỗ Văn T tháo dỡ 01 trụ cổng giáp phần đất nhà ông để trả lại lối đi chung cho hai gia đình. Xác định rõ phần quyền sở hữu của mỗi gia đình đối với ngõ đi chung và xác định mốc giới ngõ đi chung của hai gia đình.

Trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự trình bày và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc hai thửa đất của hai hộ ông Phú và ông T đều là của cha ông hai gia đình để lại. Đối với diện tích đất nhà ông T đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/10/2001 với diện tích 337m^2 mang tên hộ ông Đỗ Văn T, địa chỉ thửa đất xã Y, huyện Y tỉnh Vĩnh Phúc; Đối với diện tích đất nhà ông Đỗ Văn P chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua đo đạc thực địa thì hiện nay thửa đất hộ nhà ông P 178,8m^2 (diện tích nhiều hơn so với bản đồ 299 là 24,8m^2); thửa đất hộ nhà ông T là 378,5m^2 (diện tích nhiều hơn so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 41,5m^2), đất cả hai hộ đều nhiều hơn so với bản đồ và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do sai số trong quá trình đo đạc, can vẽ lập bản đồ địa chính cũ (bản đồ 299) nhưng không ảnh hưởng đến chính sách quản lý đất đai của nhà nước, cũng từ việc thực tế sử dụng vì đều nằm trong khuôn viên của hai hộ.

Trong quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn, bị đơn đều khẳng định hai gia đình có một lối đi chung của cha ông hai gia đình để lại từ thời xa xưa; vào năm 1994 gia đình ông T có mua thêm khoảng 11m^2 đất của gia đình ông Tùy để gia đình ông T sử dụng và làm lối đi chung, diện tích đất mua này có chiều dài 11m, chiều rộng 1m. Khoảng năm 2014 gia đình bị đơn có xây hai trụ cổng, khi xây gia đình nguyên đơn hoàn toàn biết nhưng không có ý kiến gì, đến năm 2019 gia đình nguyên đơn làm cánh cổng và bịt rãnh thoát nước của gia đình bị đơn, hai bên xảy ra tranh chấp nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải tháo dỡ một trụ cổng xây trên phần đất của lối đi chung. Ông P khởi kiện buộc ông T chỉ tháo dỡ 01 trụ cổng mà không phải là 02 trụ cổng vì ông xác định 01 trụ cổng ông T xây phía giáp nhà ông Tùy là xây trên đất của ông T mua lại của ông Tùy, còn 01 trụ cổng xây giáp đất của ông là xây trên phần đất lối đi chung của hai hộ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ và đối chiếu bản đồ 299, biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Y và xem xét toàn bộ hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T thấy rằng trụ cổng hộ ông T hoàn toàn nằm trong khuôn viên diện tích đất của hộ gia đình ông T, còn phần đất lối đi từ trụ cổng hộ ông T ra đường làng thì hiện nay thực tế hộ gia đình ông Pvà ông T đang sử dụng chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông P cho rằng bản đồ 299 do UBND xã Y lưu trữ vẽ thêm một phần đất của lối đi chung vào đất hộ ông T nên Tòa án cấp sơ thẩm mới xác định cổng nhà ông T nằm trong diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T. Ông P cho rằng việc vẽ bản đồ như thế là sai. Tuy nhiên, từ trước đến nay không ai khiếu nại gì về bản đồ 299, và đây là tài liệu chứng cứ hợp pháp do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cung cấp

nên Tòa án cần căn cứ vào bản đồ này và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông T để giải quyết tranh chấp. Hơn nữa tại phiên tòa cả nguyên đơn và bị đơn đều trình bày năm 1998, hai gia đình kết hợp lát gạch lối đi từ đất nhà ông T ra đến đường xóm. Riêng phần từ đất hộ ông T trở ra đến cổng nhà ông P thì chỉ có hộ ông T phải chịu tiền toàn bộ, còn phần từ cổng hộ ông P ra đường xóm thì cả hai nhà cùng chịu tiền. Lý do ông P không chịu tiền lối phía trong vì hộ ông P không sử dụng, chỉ có hộ ông T sử dụng. Như vậy, càng khẳng định hộ ông P không sử dụng phần đất từ cổng nhà ông T trở vào phía đất ông T, hơn nữa phần đất từ cổng nhà ông T trở vào phần đất hộ ông T là đất nằm trong khuôn viên hộ ông T, được Nhà nước công nhận quyền sử dụng, không phải là lối đi chung. Hộ ông T xây cổng đã gần chục năm nay, khi xây hộ ông P đồng ý, không tranh chấp gì, bản thân ông P thừa nhận 01 trụ cổng xây trên đất hộ ông T, còn 01 trụ ông P cho rằng xây trên lối đi chung, tuy nhiên thực tế 02 trụ cổng xây đối diện nhau, không có lý do gì để xác định hộ ông T xây trụ cổng trên lối đi chung. Như vậy, có thể khẳng định bản án sơ thẩm xác định trụ cổng hộ gia đình ông T không xây trên đất của lối đi chung và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P đối với ông Đỗ T về việc tháo dỡ trụ cổng là chính xác. Thực tế hiện nay hai hộ đang sử dụng lối đi chung từ phía ngoài trụ cổng hộ ông T ra đường làng.

Tại cấp phúc thẩm ông P không xuất trình thêm được tài liệu, chứng cứ gì mới nên không chấp nhận kháng cáo của ông P.

Việc Kiểm sát viên đề xuất tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3] Bản án sơ thẩm áp dụng Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án là chưa chính xác và chưa đầy đủ nên Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung điều luật cho chính xác và đầy đủ. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn P là người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn án phí nên được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của ông Đỗ Văn P, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 12/2020/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

Căn cứ vào các Điều 163, 164, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P đối với ông Đỗ T về việc di chuyển, tháo dỡ trụ cổng, cánh cổng để trả lại diện tích đất lối đi chung tại thôn 10 Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn P về việc đề nghị xác định ranh giới đất giữa gia đình ông với gia đình ông Đỗ T.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Đỗ Văn P.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện Y;
- VKS huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vĩnh Thành